

Trường Tiểu học Thanh Toàn

KẾ HOẠCH DẠY HỌC Lớp : ½ **Tuần 14**

Người soạn : Nguyễn Thị Tín

Ngày thực hiện : 9/12/2024 – 15/12//2024

Thứ Hai ngày 9 tháng 12 năm 2024

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

SINH HOẠT DƯỚI CỜ

BÀY TỎ LÒNG BIẾT ƠN

TẬP LÀM CHỦ BỘ ĐỘI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Thực hiện được một số động tác đội hình, đội ngũ; có tác phong nhanh nhẹn, dứt khoát như chủ bộ đội.
- Có tình cảm kính trọng, biết ơn bộ đội.

II. CHUẨN BỊ:

- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:

- Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới cờ đầu tiên của năm học mới:
 - + Ổn định tổ chức.
 - + Chính đôn trang phục, đội ngũ
 - + Đứng nghiêm trang
 - + Thực hiện nghi lễ chào cờ, hát Quốc ca
 - + Tuyên bố lí do, giới thiệu thành phần dự lễ chào cờ chương trình của tiết chào cờ.
 - + Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của trường.
- GV giới thiệu và nhân mạnh cho HS lớp 1 và toàn trường về tiết chào cờ đầu tuần:
 - + Thời gian của tiết chào cờ : là hoạt động sinh hoạt tập thể được thực hiện thường xuyên vào đầu tuần.
 - + Ý nghĩa của tiết chào cờ : giáo dục tình yêu tổ quốc, củng cố và nâng cao kiến

thức, rèn luyện kỹ năng sống, gắn bó với trường lớp, phát huy những gương sáng trong học tập và rèn luyện, nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của học sinh.

+ Một số hoạt động của tiết chào cờ:

* Thực hiện nghi lễ chào cờ

* Nhận xét thi đua của các lớp trong tuần

* Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

* Góp phần giáo dục một số nội dung : AN toàn giao thông, bảo vệ môi trường, kỹ năng sống, giá trị sống.

(2. Gợi ý cách tiến hành

– Nhà trường tổ chức cho HS tập làm chủ bộ đội theo một số nội dung sau đây:

+ Tập đội hình, đội ngũ.

+ Tập quay phải, quay trái.

+ Tập duyệt binh.

- Tổ chức cho đại diện HS chia sẻ cảm xúc về buổi tập.)

IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....
.....

TOÁN

Bài 31: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 (tiếp theo)

(Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 10 và thành lập bảng trừ trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính trừ trong phạm vi 10.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p>A. Hoạt động khởi động (3 phút)</p> <p>Chia sẻ các tình huống có phép trừ trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép trừ trong phạm vi 10 đã học.</p> <p>B. Hoạt động hình thành kiến thức (30 phút)</p> <p>- Cho HS tìm kết quả từng phép trừ trong phạm vi 10 (thể hiện trên các thẻ phép tính). Chẳng hạn: $2-1 = 1$; $3-2=1$; $4-3 = 1$; $6-4 = 2$; $9-5 = 4$;...</p> <p>Lưu ý: GV có thể tổ chức cho HS tự tìm kết quả từng phép tính dưới dạng trò chơi theo cặp/nhóm: Bạn A rút một thẻ rồi đọc phép tính, đố bạn B nêu</p>	<p>- HS thực hiện</p>

kết quả phép tính (có thể viết kết quả ra bên cạnh hoặc mặt sau).

- *Sắp xếp* các thẻ phép trừ theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng trừ như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng trừ trước mặt.

- GV giới thiệu *Bảng trừ trong phạm vi 10* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.

HS nhận xét về đặc điểm của các phép trừ trong từng dòng hoặc từng cột và ghi nhớ *Bảng trừ trong phạm vi 10*.

- GV tổng kết: Có thể nói:

Dòng thứ nhất được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 1.

Dòng thứ hai được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 2.

.....

Dòng thứ mười được coi là Bảng trừ: Một số trừ đi 10.

HS đưa ra *phép trừ* và đổ nhau tìm *Kết quả* (làm theo nhóm bàn).

D.Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10.

E.Hoạt động nối tiếp (2 phút)

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

-HS nêu, nhận xét

IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....
.....

TIẾNG VIỆT

Bài 70: ôn ôt (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết các vần **ôn, ôt**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ôn, ôt**.
- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ôn, vần ôt**.
- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Nụ hôn của mẹ*.
- Viết đúng các vần **ôn, ôt**, các tiếng **thôn** (xóm), **cột** (cờ) (trên bảng con).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Máy chiếu, màn hình.

5 thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của Hs
A. KHỞI ĐỘNG: 2 HS đọc bài Tập đọc <i>Mẹ con cá rô</i> (2) (bài 69). (5 phút)	-HS đọc bài
B. DẠY BÀI MỚI	
1. Giới thiệu bài: vần ôn, vần ôt . (2 phút)	-HS lắng nghe
2. Chia sẻ và khám phá (25 phút	

2.1. Dạy vần **ôn**

- HS đọc: **ô, n, vần ôn.** / Phân tích vần **ôn.**

- HS nói: *thôn xóm / thôn.* / Phân tích tiếng **thôn.** / Đánh vần, đọc: thờ - ôn - thôn / thôn.

- Đánh vần, đọc trơn: ô - nờ - ôn / thờ - ôn - thôn / thôn xóm.

2.2. Dạy vần ôt (như vần **ôn**)

Đánh vần, đọc trơn: ô - tờ - ôt / cờ - ôt - cõt - nặng - cõt / cõt cờ.

* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **ôn, ôt**, 2 tiếng mới học: **thôn, cõt.**

3. Luyện tập

3.1. Mở rộng vốn từ (BT 2: Tiếng nào có vần **ôn**? Tiếng nào có vần **ôt**?) (Lướt nhanh)

- GV chỉ từng từ, HS (cá nhân, cả lớp) đọc. /Giải nghĩa từ: *đôn* (đồ dùng thường để bày chậu cảnh hoặc để ngồi, làm bằng sành, sứ hay gỗ quý); *lá lót* (loại lá dùng làm gia vị, quán thịt rán); *chồn* (thú ăn thịt, sống ở rừng, tai nhỏ, mình dài, chân ngắn, có mùi hôi); *thốt nốt* (cây cùng họ với dừa, chất nước ngọt từ cây có thể làm đường thốt nốt),...

- HS làm bài, nói kết quả tìm tiếng có vần **ôn, vần ôt.**

- GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **rốt** có vần **ôt.** Tiếng **đôn** có vần **ôn**,...

-HS đọc, phân tích, đánh vần

-HS nói, phân tích, đánh vần

-HS đánh vần, đọc trơn

-HS đánh vần

-HS đọc

- Báo cáo kết quả, đọc

-Cả lớp đọc

<p>3.2. Tập viết (bảng con - BT 4)</p> <p>a) GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vần ôn: viết ô trước, n sau. Chú ý nối nét từ ô sang n. - Vần ôt: viết ô trước, t sau. Chú ý nối nét từ ô sang t. <p>thôn: viết th trước, ôn sau.</p> <ul style="list-style-type: none"> - cột: viết c trước, ôt sau, dấu nặng đặt dưới ô. <p>b) HS viết: ôn, ôt (2 lần). Sau đó viết: thôn (xóm), cột (cờ).</p> <p>Hoạt động nối tiếp(3 phút)</p>	<p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS viết ở bảng con</p>
<p>Tiết 2</p>	
<p>Tập đọc (BT 3) (30 phút)</p> <p>a) GV giới thiệu bài <i>Nụ hôn của mẹ</i>, hình ảnh bé Chi bị sốt nằm trên giường, mẹ sờ tay lên trán bé, ân cần, lo lắng.</p> <p>b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa: <i>thiêm thiếp</i> (quá yếu mệt, nằm như không biết gì).</p> <p>c) Luyện đọc từ ngữ: nụ hôn, bị sốt, nằm thiêm thiếp, mở mắt, thì thầm.</p> <p>d) Luyện đọc câu</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV: Bài có 10 câu. - GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp). - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp). <p>e) Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn: 6 câu / 4 câu).</p> <p>g) Tìm hiểu bài đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gắn 5 thẻ chữ lên bảng; nêu YC; chỉ từng cụm từ, cả lớp đọc. - HS làm bài, nối các cụm từ trong VBT. / 1 HS báo cáo kết quả. - Cả lớp đọc: a) <i>Nụ hôn của mẹ</i> - 1) <i>thật</i> 	<p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS luyện đọc từ ngữ</p> <p>-HS luyện đọc câu</p> <p>-HS thi đọc bài</p> <p>-HS thực hiện làm bài trong vở BT</p> <p>-HS đọc</p>

ám áp. / c) Bé Chi - 2) đã hạ sốt.

* Cả lớp đọc lại bài 70.

4. Hoạt động nối tiếp (5 phút

IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

.....

Thứ Hai ngày 9 tháng 12 năm 2024

TOÁN

Bài 31: PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10 (tiếp theo)

(TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Tìm được kết quả các phép trừ trong phạm vi 10 và thành lập bảng trừ trong phạm vi 10.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ trong phạm vi 10 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính trừ trong phạm vi 10.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
A. Hoạt động khởi động (5 phút) Chia sẻ các tình huống có phép trừ trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép trừ trong phạm vi 10 đã học.	- HS thực hiện - HS nói tiếp nhau chơi

B. Hoạt động thực hành, luyện tập (25 phút)

Bài 1

Cá nhân HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép trừ nêu trong bài.

Lưu ý: Bài này trọng tâm là tính nhẩm rồi nêu kết quả. Nếu HS chưa nhẩm được ngay thì vẫn có thể dùng ngón tay, que tính,... để tìm kết quả. GV nên hướng dẫn HS vận dụng *Bảng trừ trong phạm vi 10 để tính nhẩm.*

- GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản để nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhẩm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: $9 - 1$; $7 - 2$; $8 - 8$; ...

Bài 2

- Cho HS tự làm bài 2: Thực hiện tính trừ để tìm kết quả rồi chọn ô có số chỉ kết quả tương ứng; Thảo luận với bạn về chọn ô có số chỉ kết quả thích hợp;

- GV chốt lại cách làm bài, có thể tổ chức thành trò chơi chọn thẻ “kết quả” để gắn với thẻ “phép tính” tương ứng.

Bài 3

- Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng.

+ Tranh bên trái có 10 bạn đi bơi, 1 bạn đang trèo

- Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau đọc phép tính và nói kết quả tương ứng với mỗi phép tính.

- Chia sẻ trước lớp

- HS quan sát tranh,. Chia sẻ trước lớp

lên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi? Phép tính tương ứng là: $10-1=9$.

+ Tranh bên phải có 9 bạn đi bơi, 2 bạn đang trèo lên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi? Phép tính tương ứng là: $9 - 2 = 7$.

- GV nên khuyến khích HS suy nghĩ và nói theo cách của các em và khuyến khích HS trong lớp đặt thêm câu hỏi cho nhóm trình bày

C.Hoạt động vận dụng

HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10.

D.Hoạt động nối tiếp (5 phút)

- Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?
- Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

-HS nêu, nhận xét

IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....
.....

TIẾNG VIỆT
Bài 71 ơ n ơt
(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Nhận biết các vần **ơ n, ơt**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ơ n, ơt**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ơ n, ơt**.
- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Sơn và Hà*.
- Viết đúng các vần **ơ n, ơt**, các tiếng **sơn** (ca), **vọt** (trên bảng con).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: Thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu - chọn ý a hay

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
<p>A. KHỞI ĐỘNG: 2 HS đọc bài Tập đọc <i>Nụ hôn của mẹ</i> (bài 70). (3 phút)</p> <p>B. DẠY BÀI MỚI (30 phút)</p> <p>1. Giới thiệu bài: vần ơ n, ơt.</p> <p>2. Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)</p> <p>2.1. Dạy vần ơ n:</p> <p>- HS đọc: ơ - n - ơ n. / Phân tích vần ơ n. / Đánh vần, đọc: ơ - nờ - ơ n / ơ n.</p> <p>- HS nói: <i>sơn ca / sơn</i>. / Phân tích tiếng sơn. / Đánh vần, đọc tron: <i>sờ - ơ n - sơn / sơn</i>. / Đánh vần, đọc tron: <i>ơ-nờ-ơn/sờ-ơn - sơn / sơn ca</i>.</p> <p>2.2. Dạy vần ơt (như vần ơ n) Đánh vần, đọc tron: <i>ơ-tờ-ơt/vờ-ơt - vọt - nặng - vọt</i> / <i>vọt</i>.</p> <p>* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: ơ n, ơt, 2 tiếng mới học: sơn, vọt.</p> <p>3. Luyện tập</p> <p>3.1 Mở rộng vốn từ (BT 2: Tìm tiếng có vần ơ n, ơt)</p>	<p>-HS đọc bài</p> <p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS đọc, phân tích, đánh vần</p> <p>-HS nói, phân tích, đánh vần</p> <p>-HS đánh vần, đọc tron</p> <p>-HS đánh vần</p>

(Như các bài trước) Xác định YC. / Đọc tên sự vật.
/ Tìm tiếng có vần **ơn, ơt**, nói kết quả. / Cả lớp
đồng thanh: Tiếng **lợn** có vần **ơn**. Tiếng **thốt** có
vần **ơt**,...

3.2. Tập viết (bảng con - BT 4)

a) GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu

- Vần **ơn**: viết **ơ** trước, **n** sau. / vần **ơt**: viết **ơ**
trước, **t** sau.

- **sơn**: viết **s** trước, **ơn** sau.

- **vọt**: viết **V** trước, **ơt** sau, dấu nặng đặt dưới **ơ**.

b) HS viết: **ơn, ơt** (2 lần). / Viết: **sơn** (ca), **vọt**.

Hoạt động nối tiếp (2 phút)

-HS đọc từ ngữ

-Tìm tiếng, Báo cáo kết quả,
đọc

-HS lắng nghe

-HS viết ở bảng con

IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....
.....

Thứ Ba ngày 10 tháng 12 năm 2024

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ

BÀY TỎ LÒNG BIẾT ƠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Thực hiện được một số việc làm cụ thể để tỏ lòng biết ơn các anh hùng liệt sĩ đã hi sinh để bảo vệ đất nước.

- Tự hào về truyền thống anh hùng của dân tộc trong đấu tranh gìn giữ độc lập, tự do của Tổ quốc.

*Tích hợp GDMTBD: Giáo dục HS ý thức về chủ quyền biển đảo, lòng yêu nước.

II. CHUẨN BỊ:

- Phương tiện đi lại để HS tới thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sĩ ở địa phương; hoặc tới viếng nghĩa trang liệt sĩ tại địa phương.

– Món quà ý nghĩa tặng gia đình thương binh, liệt sĩ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (3 phút) - Ổn định: - Giới thiệu bài : Hôm nay chúng ta tiếp tục tìm hiểu về chủ đề Chú bộ đội.	- Hát - Lắng nghe
2. Các hoạt động chủ yếu. (33 phút) *Mục tiêu: - Làm quen với trường học mới – trường tiểu học. - Bước đầu biết được khung cảnh sư phạm của nhà trường, các hoạt động diễn ra ở nhà trường.	
Hoạt động 1. Nhớ ơn các anh hùng liệt sĩ *Mục tiêu:	

- HS biết được công lao của các anh hùng thương binh, liệt sĩ trong giữ gìn, bảo vệ Tổ quốc.

- Thực hiện được việc làm cụ thể để tỏ lòng biết ơn thương binh, liệt sĩ.

*** Cách tiến hành:**

- GV tổ chức cho HS tới thăm hỏi, động viên một số gia đình thương binh liệt sĩ của quê hương theo gợi ý:

- Chuẩn bị:

+ Liên hệ thống nhất kế hoạch tổ chức thăm hỏi với gia đình thương binh, liệt sĩ.

+ Cùng HS chuẩn bị món quà ý nghĩa dành tặng gia đình thương binh, liệt sĩ.

+ Chuẩn bị phương tiện đi lại và các điều kiện khác.

- Thực hiện: GV và HS tới thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sĩ theo kế hoạch đã chuẩn bị.

- Bài học ý nghĩa: Kết thúc chuyến thăm hỏi, GV tổ chức cho HS chia sẻ cảm xúc của bản thân về chuyến đi.

*GV kết luận.

- Các anh hùng thương binh, liệt sĩ đã hi sinh bản thân mình để giữ gìn và bảo vệ quê hương, đất nước. Gia đình họ cũng chịu nhiều mất mát, đau thương. Mọi người đều có trách nhiệm chia sẻ những đau thương, mất mát đó.

- HS thực hiện công tác chuẩn bị để thăm hỏi, động viên một số gia đình thương binh liệt sĩ ở địa phương theo hướng dẫn của GV.

- HS cùng GV đến thăm hỏi gia đình thương binh, liệt sĩ.

- Từng lên HS chia sẻ cảm xúc của mình.

- Theo dõi, lắng nghe

3. Hoạt động luyện tập và vận dụng.

Hoạt động 2. Trang sử hào hùng

*Mục tiêu:

- HS tự hào về truyền thống anh hùng của dân tộc trong đấu tranh gìn giữ độc lập, tự do của Tổ quốc.

* Cách tiến hành :

- GV tổ chức cho HS trải nghiệm, học tập thực tế tại nghĩa trang liệt sĩ của quê hương theo gợi ý.

+ Kể chuyện về các anh hùng liệt sĩ của quê hương, hoặc những trang sử hào hùng về các cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương.

+ Tổ chức cho HS thắp hương, đặt hoa tại đài tưởng niệm.

+ HS chia sẻ cảm xúc của bản thân về buổi trải nghiệm.

* Kết luận:

- Dân tộc Việt Nam trải qua nhiều cuộc chiến tranh chống quân xâm lược đã chịu nhiều mất mát, đau thương. Sự hi sinh của các anh hùng liệt sĩ đã đem lại độc lập, tự do và hạnh phúc cho các em ngày hôm nay.

- HS tập hợp tại nghĩa trang của địa phương.

+ HS lắng nghe câu chuyện về các anh hùng liệt sĩ của nghĩa trang địa phương.

+ HS thực hiện thắp hương, đặt hoa tại đài tưởng niệm.

+ Lần lượt lên chia sẻ cảm xúc của bản thân.

- Lắng nghe, ghi nhớ

3. Hoạt động nối tiếp: (2 phút)

- GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.

- Về nhà chia sẻ với người thân về những cống hiến, hi sinh của các chú bộ đội đối với nhân dân, đất nước.

- Lắng nghe

IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

TIẾNG VIỆT
Bài 71 ơn ơt
(3 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Nhận biết các vần **ơn, ơt**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ơn, ơt**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ơn, ơt**.
- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Sơn và Hà*.
- Viết đúng các vần **ơn, ơt**, các tiếng **sơn** (ca), **vợt** (trên bảng con).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: Thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu - chọn ý a hay b.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 2	
<p>3.3. Tập đọc (BT 3) (30 phút)</p> <p>a) GV chỉ hình minh họa, giới thiệu hình ảnh hai bạn Sơn, Hà và cô giáo trong giờ làm bài kiểm tra.</p> <p>b) GV đọc mẫu.</p> <p>c) Luyện đọc từ ngữ: kiểm tra, lầm nhẫm, thờn bơn, bốt, thì thảm, lễ phép, ngẫm nghĩ, chột nghĩ ra, nắn nót.</p> <p>d) Luyện đọc câu</p> <p>- GV: Bài có 13 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Đọc liền 2 câu: <i>Hà thì thảm: “Còn 3 chữ? ” / Hà lễ phép: Dạ. / 2 câu cuối.</i></p> <p>- Đọc tiếp nối từng câu (hoặc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).</p> <p>e) Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn: 6 câu / 7 câu).</p> <p>g) Tìm hiểu bài đọc</p> <p>- HS đọc nội dung BT. / HS làm bài trong VBT hoặc viết vào thẻ.</p> <p>- GV: Ý nào đúng? / HS giơ thẻ. / GV chốt lại: Ý a đúng (Ý b sai).</p> <p>- Cả lớp: Ý a đúng: <i>Cô Yến đề nghị Hà - a) Để</i></p>	<p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS luyện đọc từ ngữ</p> <p>-HS luyện đọc câu</p> <p>-HS thi đọc bài</p> <p>-HS thực hiện làm bài trong vở BT</p>

bạn Sơn tự làm.

* Cùng cô: Cả lớp đọc lại bài 71 (nếu còn thời gian).

4. Hoạt động nối tiếp (5 phút)

IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....
.....

TẬP VIẾT
ôn, ôt, ơn, ơt

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Viết đúng **ôn, ôt, ơn, ơt, thôn xóm, cột cờ, sơn ca, vọt** - chữ thường, cò vừa, đúng kiểu, đều nét.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
1. Giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài học (2 phút)	-HS lắng nghe
2. Luyện tập (30 phút)	
a) Cả lớp nhìn bảng, đánh vần, đọc trơn các vần, tiếng vừa học.	HS đánh vần, đọc trơn
b) Tập viết: <i>ôn, thôn xóm, ôt, cột cờ.</i>	
- 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết các vần <i>ôn, ôt</i> ; độ cao các con chữ.	-HS lắng nghe
- GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ ghi vần, tiếng, vừa hướng dẫn:	
+ Vần <i>ôn</i> : cao 2 li. vần <i>ôt</i> : chữ <i>t</i> cao 3 li, chú ý rê bút khi viết từ <i>ô</i> sang <i>n</i> hay sang <i>t</i> .	
+ Viết <i>thôn</i> : <i>h</i> cao 5 li, <i>t</i> cao 3 li; <i>xóm</i> : dấu sắc đặt trên <i>o</i> .	
+ Viết <i>cột</i> : dấu nặng đặt dưới <i>ô</i> . Viết <i>cờ</i> , dấu huyền đặt trên <i>ơ</i> .	-HS viết vào vở tập viết

HS viết các vần, tiếng trong vở *Luyện viết 1*, tập 1
Tập viết: *om, son ca, ơt, vọt* (như mục b). HS
hoàn thành phần *Luyện tập thêm*

2/Hoạt động nối tiếp (3 phút)

- GV nhận xét tiết học
- Nhắc HS chưa hoàn thành bìa viết về nhà tiếp tục luyện viết

IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....
.....

Thứ tư ngày 11 tháng 12 năm 2024

Bài 32. LUYỆN TẬP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Củng cố về bảng trừ và làm tính trừ trong phạm vi 10.
- Rèn kỹ năng làm tính cộng, trừ và vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.
- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ phép tính như ở bài 1 để HS chơi trò chơi tính nhẩm.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép trừ trong phạm vi 10.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG DẠY	HOẠT ĐỘNG HỌC
<p>A. Hoạt động khởi động (3 phút)</p> <p>Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Truyền điện”, “Đổ bạn” ôn tập cộng, trừ nhẩm trong phạm vi 10 để tìm kết quả của các phép tính trong phạm vi 10 đã học.</p> <p>Bài 3. (5 phút) HS quan sát mẫu, liên hệ với nhận biết về quan hệ cộng - trừ, suy nghĩ và lựa chọn phép tính thích hợp, ví dụ: $6 + 3 = 9$; $3 + 6 = 9$; $9 - 3 = 6$; $9 - 6 = 3$; ...</p> <p>Từ đó HS tìm kết quả cho các trường hợp còn lại trong bài.</p>	

Bài 4 (7 phút)

- Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn nghe tình huống xảy ra trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp.

Ví dụ:

+ Có 5 bạn đang bơi. Có 3 bạn trên bờ. Có tất cả bao nhiêu bạn?

Chọn phép cộng $5 + 3 = 8$ hoặc $3 + 5 = 8$.

+ Có tất cả 8 bạn, trong đó có 3 bạn trên bờ. Còn lại bao nhiêu bạn đang bơi?

Chọn phép trừ $8 - 3 = 5$.

+ Có tất cả 8 bạn, trong đó có 5 bạn đang bơi.

Còn lại bao nhiêu bạn trên bờ?

Chọn phép trừ $8 - 5 = 3$.

- GV lưu ý HS về quan hệ cộng – trừ. Sử dụng quan hệ cộng - trừ để tính nhẩm thông qua các ví dụ đơn giản.

B. Hoạt động thực hành, luyện tập (15 phút)

Bài 1

- Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (thể hiện trong các thẻ ghi phép tính).

- GV tổ chức thành trò chơi theo cặp hoặc theo nhóm: một bạn lấy ra một thẻ phép tính đó bạn khác tìm kết quả và ngược lại.

- HS quan sát tranh. Chia sẻ trước lớp.

- HS thực hiện

Bài 2

- Cho HS làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng, trừ nêu trong bài (HS có thể tính nhẩm hoặc dùng *Bảng cộng, trừ trong phạm vi 10* để tính).

a) Ngắm giới thiệu “Tính chất giao hoán của phép cộng” thông qua các ví dụ cụ thể.

b) Ngắm giới thiệu quan hệ cộng - trừ.

Chia sẻ trước lớp. GV cũng có thể nêu thêm một vài phép tính khác để HS củng cố kỹ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đổ nhau tìm kết quả phép tính.

D.Hoạt động vận dụng (2 phút)

- Cho HS nghĩ ra một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10.

E.Hoạt động nối tiếp (1 phút)

Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng, trừ trong phạm vi 10 để hôm sau chia sẻ với các bạn.

- HS thực hiện

- HS đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau nhận xét về các phép tính trong từng cột:

-HS nêu, nhận xét

IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....
.....

Bài 72 un ut ut

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết các vần **un, ut, ut**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **un, ut, ut**.
- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **un, un, un**.
- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Làm mứt*.
- Viết đúng các vần **un, ut, ut**, các tiếng **phun, bút, mứt** (trên bảng con).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: 6 thẻ ghi từ ngữ ở BT đọc hiểu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 2	
<p>Tập đọc (BT 3) (30 phút)</p> <p>a) GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc: Hai bạn thỏ và cún đang làm mứt cà rốt. Nồi mứt đặt trên bếp lửa đang cháy đùng đùng.</p> <p>b) GV đọc mẫu.</p> <p>c) Luyện đọc từ ngữ: làm mứt, đun bếp, lửa ngùn ngụt, rút bớt lửa, phàn nàn, nhỏ nhẹ. GV giải nghĩa từ: <i>ngùn ngụt</i> (lửa bốc mạnh thành ngọn lớn), <i>phàn nàn</i> (nói ra nỗi buồn bực, không vừa ý), <i>nhỏ nhẹ</i> (nói nhỏ, nhẹ nhàng, dễ nghe).</p> <p>d) Luyện đọc câu</p> <ul style="list-style-type: none">- GV: Bài có 11 câu.- GV chỉ từng câu (hoặc chỉ liền 2 câu ngắn) cho HS đọc vỡ.- Đọc tiếp nối từng câu (hoặc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp). <p>e) Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn đọc: 5/6 câu).</p> <p>g) Tìm hiểu bài đọc</p> <ul style="list-style-type: none">- GV nêu YC; chỉ từng vế câu cho HS đọc.- 1 HS làm mẫu câu 1: a) Thỏ rú cún - 3) làm mứt cà rốt.	<p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS luyện đọc từ ngữ</p> <p>-HS luyện đọc câu</p> <p>-HS thi đọc bài</p> <p>-HS thực hiện</p>

<p>- HS làm bài trên VBT. / HS báo cáo kết quả. / Cả lớp nhắc lại: a) Thỏ rú cún - 3) làm mứt cà rốt. / b) Cún - 1) đun bếp, lửa ngùn ngụt. / c) Làm mứt - 2) cần nhỏ lửa.</p> <p>* HS đọc lại bài 72 (nếu còn thời gian).</p> <p>3.3. Hoạt động nối tiếp (5 phút)</p>	
--	--

IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

.....

Bài 73 uôn uôt

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nhận biết vần **uôn, uôt**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uôn, uôt**.
- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **uôn, uôt**.
- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Chuột út (1)*.
- Viết đúng các vần **uôn, uôt**, các tiếng **chuồn chuồn, chuột** (trên bảng con).

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: Phiếu khổ to ghi nội dung BT đọc hiểu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Tiết 1

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
<p>A/ KHỞI ĐỘNG: 2 HS đọc bài Tập đọc <i>Làm mứt</i> (bài 72). (3 phút)</p> <p>B/DẠY BÀI MỚI(30 phút)</p> <p>1. Giới thiệu bài: vần uôn, uôt.</p> <p>2. Chia sẻ và khám phá (BT 1: Làm quen)</p> <p>2.1. Dạy vần uôn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc: uô - ò - uôn. / Phân tích vần uôn: có âm uô - âm n. / Đánh vần, đọc: uô - ò - uôn / uôn. 	<p>HS đọc</p> <p>HS lắng nghe</p> <p>-HS đọc, phân tích, đánh vần</p>

<p>- HS nói: <i>chuồn chuồn</i>. / Phân tích tiếng chuồn. / Đánh vần, đọc trơn: chờ - uôn - chuôn - huyền - chuồn / chuồn.</p> <p>- GV chỉ mô hình vần uôn, tiếng chuồn, từ ứng dụng, HS: uô - nờ - uôn / chờ - uôn - chuôn - huyền - chuồn / chuồn chuồn.</p> <p>2.2. Dạy vần uôt (như vần uôn) Đánh vần, đọc trơn: uô - tờ - uôt / chờ - uôt - chuôt - nặng - chuột / chuột.</p> <p>* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: uôn, uôt, 2 tiếng mới học: chuồn, chuột.</p>	<p>-HS nói, phân tích, đánh vần</p> <p>-HS đánh vần, đọc trơn</p> <p>-HS đánh vần</p>
<p>3. Luyện tập</p> <p>3.1. Mở rộng vốn từ (BT 2: Tiếng nào có vần uôn? Tiếng nào có vần uôt?)</p> <p>- HS (cá nhân, cả lớp) đọc từ ngữ dưới hình.</p> <p>- HS tìm nhanh tiếng có vần uôn, vần uôt, nói kết quả.</p> <p>- GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng chuồn có vần uôn. Tiếng vuốt có vần uôt,...</p> <p>3.2. Tập viết (bảng con - BT 4) GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu:</p> <p>- Vần uôn: uô viết trước, n viết sau. / vần uôt: viết uô trước, t sau.</p> <p>- chuồn: viết ch trước, vần uôn sau, dấu huyền đặt trên ô.</p> <p>- chuột: viết ch trước, vần uôt sau, dấu nặng đặt dưới ô.</p> <p>- HS viết: uôn, uôt (2 lần). / Viết: chuồn chuồn, chuột.</p> <p>Hoạt động nối tiếp (2 phút)</p>	<p>-HS đọc</p> <p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS viết ở bảng con</p>

IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

Chiều thứ Tư, ngày 11 tháng 12 năm 2024

Bài 73 uôn uôt

(2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Nhận biết vần **uôn, uôt**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uôn, uôt**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **uôn, uôt**.
- Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Chuột út (1)*.
- Viết đúng các vần **uôn, uôt**, các tiếng **chuồn chuồn, chuột** (trên bảng con).

I. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: Phiếu khổ to ghi nội dung BT đọc hiểu.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

<p>3.3. Tập đọc (BT3) (30 phút)</p> <p>a) GV chỉ hình, giới thiệu bài <i>Chuột út (1)</i>: Chuột út một mình ra sân chơi. Nó biết được những điều gì mới mẻ?</p> <p>b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: <i>thô lỗ</i> (mắt to, lòi ra).</p> <p>c) Luyện đọc từ ngữ: HS đánh vần (nếu cần), đọc trơn: chuột, buồn, lùn cùn, dữ lắm, mắt thô lỗ, quát rõ to, rất hiền, muốn đùa.</p> <p>d) Luyện đọc câu</p> <ul style="list-style-type: none">- GV: Bài có 10 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ.- Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp). <p>e) Thi đọc theo vai</p> <ul style="list-style-type: none">- GV (vai dẫn chuyện) cùng 2 HS giỏi (vai chuột út, chuột mẹ) đọc mẫu.- Từng tốp (3 HS) luyện đọc theo vai trước khi thi.- Vài tốp thi đọc. GV khen những HS đọc	<p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS luyện đọc từ ngữ</p> <p>-HS luyện đọc câu</p> <p>-HS thi đọc bài</p> <p>-HS thực hiện</p>
--	---

<p>đúng vai, đúng lượt lời, biểu cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc cả bài. <p>g) Tìm hiểu bài đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp đọc lời chuột út kể về con thú “dữ”: “<i>Mẹ ạ, trên sân ...sợ quá</i>”. - GV chỉ hình, hỏi: Con thú “dữ” chuột út gặp là gà trống, chó hay mèo? . - GV: Gà trống là con vật rất hiền <p>* HS đọc lại bài 73; đọc 9 vần vừa học trong tuần (chân trang 132).</p>	<p>- Đó là gà trống. / Cả lớp: Gà trống.</p>
<p>4. Hoạt động nối tiếp (5 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tìm thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần uôn (<i>cuốn, buôn, muốn, tuôn,...</i>), có vần uôt (<i>nuốt, ruột, tuột,...</i>). Có thể làm BT này ở nhà. <p>GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc bài Tập đọc cho người thân nghe</p>	

IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

.....

TẬP VIẾT
un, ut, ưt, uôn, uôt

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Viết đúng **un, ut, ưt, uôn, uôt, phun, bút, mút, chuồn chuồn, chuột**
- chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC (như các bài học trước).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
<p>1. Giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài học. (2 phút)</p> <p>2. Luyện tập (30 phút)</p> <p>a) Cả lớp nhìn bảng, đánh vần, đọc trơn các vần, tiếng vừa học.</p> <p>b) Tập viết: <i>un, phun, ut, bút, ưt, mút.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết các vần <i>un, ut, ưt</i>, độ cao các con chữ. - GV vừa viết mẫu lần lượt từng vần, tiếng, vừa hướng dẫn: + Vần <i>un</i>: cao 2 li. vần <i>ut, ưt</i>: chữ <i>t</i> cao 3 li. (Chú ý viết nối nét <i>u - n, u - t</i>) + Viết <i>phun</i>: chữ <i>h</i> cao 5 li, <i>p</i> cao 4 li. Viết <i>bút, mút</i>, dấu sắc đặt trên <i>u, ư</i>. - HS viết trong vở <i>Luyện viết 1</i>, tập một. <p>c) Tập viết: <i>uôn chuồn chuồn, uôt, chuột</i> (như mục b). HS viết các vần, tiếng; hoàn thành phần <i>Luyện tập thêm</i>.</p> <p>3/Hoạt động nối tiếp (3 phút)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết học -Nhắc HS chưa hoàn thành bìa viết về nhà tiếp tục luyện viết 	<p>-HS lắng nghe</p> <p>HS đánh vần, đọc trơn</p> <p>-HS lắng nghe</p> <p>-HS viết vào vở tập viết</p>

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

.....

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI
BÀI 9. AN TOÀN TRÊN ĐƯỜNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Về nhận thức khoa học

- Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm, các rủi ro có thể xảy ra trên đường.
- Nêu được cách phòng tránh nguy hiểm trong một số tình huống để đảm bảo an toàn trên đường,
- Nói được tên và ý nghĩa của một số biển báo và tín hiệu đèn hiệu giao thông,

Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về nguyên nhân, cách phòng tránh nguy hiểm trong một số tình huống giao thông.
 - Biết cách quan sát, trình bày ý kiến của mình về nguyên nhân, cách phòng tránh nguy hiểm trong một số tình huống giao thông, về biển báo và đèn tín hiệu giao thông
- Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Thực hành đi bộ qua đường theo sơ đồ: đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông; đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông.

II. CHUẨN BỊ:

- Các hình trong SGK. - VBT Tự nhiên và Xã hội 1.
- Các tấm bìa có hình tròn (màu xanh và màu đỏ); hình xe ô tô, xe máy, xe đạp.
- Phiếu tự đánh giá,

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

TIẾT 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động (5 phút)	

<p>- Ôn định:</p> <p>- GV:</p> <p>+ Nhà em ở gần hay xa trường ?</p> <p>+ Em thường đến trường bằng phương tiện gì ?</p> <p>Một số HS trả lời câu hỏi .</p> <p>GV : Để đảm bảo an toàn trên đường đi học , cũng như : toàn trên đường , chúng ta cần thực hiện những quy định gì , bài học hôm nay cả lớp cùng tìm hiểu .</p> <p>2. Hoạt động chủ yếu:</p> <p>Khám phá kiến thức mới:</p>	<p>- Hát</p> <p>-HS trả lời</p> <p>- Lắng nghe</p>
<p>Hoạt động 1 : Phát hiện tình huống giao thông nguy hiểm (8 phút)</p> <p>* Mục tiêu</p> <p>- Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm , nêu cách phòng tránh để đảm bảo an toàn trên đường .</p> <p>- Biết cách quan sát , đặt câu hỏi , trình bày ý kiến của mình về nguyên nhân , cách phòng tránh nguy hiểm trong một số tình huống giao thông .</p>	
<p>Cách tiến hành: Luyện tập và vận dụng: (20 phút)</p> <p>Hoạt động 2 : Liên hệ thực tế</p> <p>* Mục tiêu</p> <p>Đưa ra được những lưu ý khi đi trên đường để đảm bảo an toàn .</p>	
<p>* Cách tiến hành</p> <p><i>Bước 1 : Làm việc theo nhóm 4</i></p> <p>- Yêu cầu HS nêu lưu ý khi đi trên đường để đảm bảo an toàn</p> <p>- Yêu cầu HS thảo luận nhóm và tổng hợp các ý kiến của các thành viên .</p> <p><i>Bước 2 : Làm việc cả lớp</i></p>	<p>-HS làm việc theo nhóm: Mỗi bạn nêu ít nhất một lưu ý</p> <p>-HS tổng hợp ý kiến</p>

<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS trình bày kết quả làm việc trước lớp . - GV cùng HS khác nhận xét , bổ sung câu trả lời . GV bình luận , hoàn thiện các câu trả lời . <p>Hoạt động nối tiếp (2 phút)</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Đại diện nhóm trình bày kết quả làm được - Nhận xét
---	---

IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....

.....

.....

Thứ năm ngày 12 tháng 12 năm 2024

Bài 74

KỂ CHUYỆN

THẦN GIÓ VÀ MẶT TRỜI

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.
- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.
- Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.
- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Thần gió thua mặt trời vì thần gió quá kiêu ngạo.

* Tích hợp GDKNS: Rèn kĩ năng kể hay, trao đổi ý nghĩa câu chuyện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: Máy chiếu / Tranh minh họa truyện kể (phóng to).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
<p>A. KHỞI ĐỘNG: (3 phút)</p> <p>GV chỉ tranh 1, 2, 3 minh họa truyện <i>Mây đen và mây trắng</i>, nêu câu hỏi, mời HS 1 trả lời. HS 2 trả lời câu hỏi theo tranh 4, 5.</p> <p>B. DẠY BÀI MỚI (30 phút)</p> <p>1. Chia sẻ và Giới thiệu câu chuyện (gợi ý)</p>	<p>-HS trả lời</p>

<p>1.1. Quan sát và phỏng đoán: GV chỉ tranh minh họa, giới thiệu câu chuyện <i>Thần gió và mặt trời</i>: Các em hãy quan sát tranh, xem truyện có những nhân vật nào?</p> <p>GV: Truyện có 3 nhân vật (GV chỉ từng nhân vật): thần gió, mặt trời, một người mặc áo khoác đang đi dưới mặt đất. Không rõ thần gió, mặt trời và người đi bộ làm gì. Họ có quan hệ với nhau như thế nào.</p>	<p>-Truyện có 3 nhân vật :thần gió, mặt trời, một người mặc áo khoác đang đi dưới mặt đất</p>
<p>1.2. Giới thiệu câu chuyện: Câu chuyện nói về cuộc thi tài giữa thần gió và mặt trời. Ai sẽ chiến thắng?</p>	<p>-HS lắng nghe</p>
<p>2. Khám phá và chia sẻ Nghe kể chuyện: GV kể chuyện với giọng biểu cảm 3 lần.</p>	<p>-HS lắng nghe</p>
<p>2.1 Trả lời câu hỏi theo tranh</p>	
<p>a) Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh</p> <p>- GV chỉ tranh 1, hỏi: <i>Vì sao thần gió kiêu ngạo?</i></p>	<p>-Thần gió kiêu ngạo vì tự cho là mình rất mạnh. / Thần gió rất kiêu ngạo vì cho là mình có sức mạnh gây ra bão táp, làm đổ nhà cửa, cây cối</p>
<p>- GV chỉ tranh 2: <i>Thần gió nói gì với mặt trời? Mặt trời trả lời ra sao?</i></p>	<p>-Thần gió nói mình là kẻ mạnh nhất. / Mặt trời chỉ một người khoác chiếc áo đang đi dưới mặt đất, bảo: “Ta với anh, hễ ai làm cho anh chàng kia phải cởi áo khoác ra, người đó là kẻ mạnh nhất”</p>
<p>- GV chỉ tranh 3: <i>Thần gió dương oai, kết quả thế nào?</i></p>	
<p>- GV chỉ tranh 4: <i>Mặt trời thử sức, kết quả</i></p>	<p>-Gió càng lớn thì người đi bộ</p>

<p><i>ra sao?</i></p> <p>-</p> <p>b) Yêu cầu HS trả lời liên các câu hỏi theo 2 tranh.</p> <p>c) Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi theo 4 tranh.</p> <p>2.2. Kể chuyện theo tranh</p> <p>a) Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.</p> <p>b) Mỗi HS kể chuyện theo tranh bất kì.</p> <p>c) 1 HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 4 tranh.</p> <p>* GV cắt tranh, mời 1 HS kể chuyện không nhìn tranh (YC không bắt buộc).</p> <p>2.3. Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện</p> <p>- GV: Em nhận xét gì về thần gió?</p> <p>- GV: Em nghĩ gì về mặt trời?</p> <p>- GV: Thần gió kiêu ngạo, hung hăng nhưng không cởi được áo của người đi bộ. Mặt trời rất khôn ngoan đã khiến người đi bộ tự cởi áo ra. Câu chuyện giúp các em hiểu: Người mạnh không phải người khoẻ, người hung hăng. Người mạnh là người thông minh, biết sử dụng trí óc.</p> <p>3. Hoạt động nối tiếp (2 phút)</p>	<p>càng cố giữ chặt áo. Thần gió không tài nào lột được áo của anh ta</p> <p>-Mặt trời toả nắng, càng lúc càng nóng khiến người đi bộ vã mồ hôi. Thế là anh ta tự cởi bỏ áo</p> <p>-HS trả lời</p> <p>-HS kể theo tranh</p> <p>-Thần gió kiêu ngạo, cho là mình mạnh nhất nhưng không cởi được áo của người đi bộ</p> <p>-Mặt trời giỏi hơn, đã làm người đi bộ tự cởi áo ra</p>
---	--

GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết KC *Hàng xóm*

IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....
.....

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

AN TOÀN TRÊN ĐƯỜNG (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

· Về nhận thức khoa học

- Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm , các rủi ro có thể xảy ra trên đường .
- Nêu được cách phòng tránh nguy hiểm trong một số tình huống để đảm bảo an toàn trên đường ,
- Nói được tên và ý nghĩa của một số biển báo và tín hiệu đèn hiệu giao thông ,

· Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về nguyên nhân , cách phòng tránh nguy hiểm trong một số tình huống giao thông .
 - Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về nguyên nhân , cách phòng tránh nguy hiểm trong một số tình huống giao thông , về biển báo và đèn tín hiệu giao thông
- Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Thực hành đi bộ qua đường theo sơ đồ : đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông ; đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông .

II. CHUẨN BỊ:

- Các hình trong SGK . - VBT Tự nhiên và Xã hội 1 .
- Các tấm bìa có hình tròn (màu xanh và màu đỏ) ; hình xe ô tô , xe máy , xe đạp .
- Phiếu tự đánh giá ,

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

Một số biển báo và đèn tín hiệu giao thông KHÁM PHÁ KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 3 : Tìm hiểu biển báo và đèn tín hiệu giao thông

* Mục tiêu

Nói được tên và ý nghĩa của một số biển báo và tín hiệu đèn hiệu giao thông .
Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về biển báo và đèn tín hiệu giao

thông ..

* Cách tiến hành

Bước 1 : Làm việc theo nhóm 6

- GV yêu cầu HS quan sát các hình ở trang 60 , 61 trong SGK để trả lời các câu hỏi :

+ Có những biển báo và đèn tín hiệu giao thông nào ?

+ Khi gặp những biển báo và đèn tín hiệu giao thông đó , em phải làm gì ?

+ Ngoài những biển báo đó , khi đi trên đường em nhìn thấy những biển báo nào ? Chúng cho em biết điều gì ?

GV theo dõi HD HS làm việc

Bước 2 : Làm việc cả lớp

- GV yêu cầu một số nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp (mỗi nhóm trình bày một câu) .

- HS khác nhận xét , bổ sung câu trả lời .

- GV bình luận và hoàn thiện các trả lời .

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG:

Hoạt động 4 : Chơi trò chơi “ Đồ bạn biết : Đèn tín hiệu giao thông “ nói ” gì ? ”

* Mục tiêu

- Nhớ được ý nghĩa của tín hiệu đèn hiệu giao thông .

-Các thành viên quan sát chia sẻ thống nhất trong nhóm.

-Đại diện một số cặp trình bày kết quả làm việc trước lớp

Biển báo trong hình : giao thông đối với người đi bộ

<p>- Phát triển kĩ năng lắng nghe và phản ứng nhanh .</p>	
<p>* Cách tiến hành</p> <p><i>Bước 1 : Hướng dẫn cách chơi</i></p> <p>– GV HD cách chơi: Mỗi HS nắm hai tay và khoanh tay trước ngực .</p> <p>- Khi GV nói đèn xanh ho, hai nắm tay của HS chuyển động trước ngực , khi GV nói đèn đỏ h , hai nắm tay HS phải dừng lại</p> <p>- GV cho HS làm mẫu</p> <p>-GV nhận xét</p>	<p>-HS theo dõi</p> <p>-HS làm mẫu</p>
<p><i>Bước 2 : Tổ chức chơi trò chơi</i></p> <p>- GV tổ chức cho HS chơi</p> <p>- GV gọi hai HS lên quan sát xem bạn nào thực hiện đúng / không đúng theo hiệu lệnh của GV . Bạn nào làm sai thì sẽ nhắc lại ý nghĩa của tín hiệu đèn giao thông .</p> <p><i>Bước 3 : Nhận xét và đánh giá</i></p> <p>– Dãy bàn nào có ít số HS làm sai nhất – được khen thưởng .</p> <p>- GV : Tín hiệu đèn xanh : cho phép người và xe đi . Tín hiệu đèn vàng : cảnh báo cho sự luân chuyển tín hiệu , báo hiệu người điều khiển phương tiện khi tham gia giao thông trên đường giảm tốc độ và phải dừng lại ở trước vạch sơn “ Dừng lại ” theo quy định . Trong trường hợp người điều khiển phương tiện và người đi bộ đã vượt quá vạch sơn thì phải nhanh chóng vượt qua khỏi giao lộ để tránh gây nguy hiểm cho bản thân</p>	<p>- HS chơi trò chơi</p> <p>-HS làm BT</p> <p>HS tham gia nhận xét</p> <p>HS lắng nghe</p>

và người tham gia giao thông khác . Tín hiệu đèn đỏ : dừng lại .

- Yêu cầu HS làm yêu cầu 3 của Bài 9 (VB)
- GV theo dõi HD

HS làm vào vở BT

IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....
.....

Thứ sáu ngày 13 tháng 12 năm 2024

Bài 75

ÔN TẬP

(1 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Chuột út* (2).
- Chép đúng chính tả 1 câu văn.

*Tích hợp GDKNS: Rèn kỹ năng kể hay trao đổi ý nghĩa câu chuyện.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC: Máy chiếu, màn hình.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của Giáo viên	Hoạt động của Học sinh
<p>1. Giới thiệu bài (3 phút)</p> <ul style="list-style-type: none">- GV mời 2 HS cùng đọc lại bài <i>Chuột út</i> (1).- Giới thiệu MĐYC của bài Ôn tập.	<ul style="list-style-type: none">-HS đọc-HS lắng nghe
<p>2. Luyện tập (30 phút)</p> <p>2.1. BT 1 (Tập đọc): a) GV giới thiệu phần 2 của chuyện <i>Chuột út</i> sẽ cho biết câu chuyện tiếp diễn thế nào.</p> <ul style="list-style-type: none">a) GV đọc mẫu.b) Luyện đọc từ ngữ: hơn hờ, nằm thu lu, luôn liếm chân, rất thân thiện, la lớn, ăn thịt. GV giải nghĩa: <i>nằm thu lu</i> (từ gọi tả dáng co nhỏ người lại, thu tròn người lại thật nhỏ).c) Luyện đọc câu	<ul style="list-style-type: none">-HS lắng nghe-HS luyện đọc từ ngữ

- GV: Bài có 7 câu. GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ.

- Đọc tiếp nối từng câu (lặp lại vài lượt). GV hướng dẫn HS nghỉ hơi ở câu: *Nó luôn liếm chân, liếm cổ / và nhìn con rất thân thiện.*

d) Thi đọc phân vai

- GV (vai dẫn chuyện), cùng 2 HS giỏi (vai chuột út, chuột mẹ) đọc mẫu.

- Từng tốp (3 HS) luyện đọc phân vai trước khi thi.

- Một vài tốp thi đọc. GV khen HS đọc đúng vai, đúng lượt lời, biểu cảm.

- Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc cả bài (đọc nhỏ).

g) Tìm hiểu bài đọc

- Cả lớp đọc lời chuột út kể về con thú hiền: *"Con còn gặp ... rất thân thiện "*,

- GV chỉ hình, hỏi: Con thú "hiền" chuột út gặp là mèo, chó hay gà trống? / 1 HS: Đó là con mèo. / Cả lớp: Con mèo. (GV: Mèo là kẻ thù của nhà chuột).

- GV: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?

- GV: Câu chuyện khuyên các em: Đừng đánh giá người khác chỉ qua vẻ ngoài.

2.2. BT 2 (Tập chép)

- Yêu cầu HS, cả lớp đọc câu văn GV viết trên bảng (*Chuột kể về con thú nó gặp*).

- Cả lớp đọc thầm câu văn. Chú ý những từ các em dễ viết sai.

- HS nhìn câu văn, chép vào vở / VBT.

- HS viết xong, tự soát lỗi, đổi bài với bạn để sửa lỗi cho nhau.

-HS luyện đọc câu

-HS đọc phân vai theo nhóm

-HS đọc cả bài

-HS trả lời, đọc

-Gà trống nom dữ tợn nhưng rất hiền. / Mèo nom rất hiền nhưng lại là kẻ thù của chuột

-HS đọc

-Lớp đọc thầm

-HS tập chép câu văn vào vở

- GV chữa bài cho HS, nhận xét chung.

3/Hoạt động nối tiếp (2 phút)

IV.Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....
.....

SINH HOẠT LỚP
HÁT VỀ CHÚ BỘ ĐỘI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

Sau hoạt động, HS có khả năng:

- Thể hiện tình cảm của bản thân với chú bộ đội qua hoạt động sinh hoạt tập thể hát về chú bộ đội.
- Yêu thích hoạt động văn nghệ.

II. CHUẨN BỊ:

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1.Ổn định: Hát (2 phút) 2. Các bước sinh hoạt: (30 phút) 2.1. Nhận xét trong tuần 14 - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo: <i>+Đi học chuyên cần:</i> <i>+ Tác phong , đồng phục .</i> <i>+ Chuẩn bị bài, đồ dùng học tập</i> <i>+ Vệ sinh.</i>	- Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần. <i>+ Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi</i> <i>+ Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi</i>

<p>+ GV nhận xét qua 1 tuần học:</p> <p><i>* Tuyên dương:</i></p> <p>- GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.</p> <p><i>* Nhắc nhở:</i></p> <p>- GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.</p> <p>2.2. Phương hướng tuần 15</p> <p>- Thực hiện dạy tuần 10, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.</p> <p>- Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.</p> <p>- Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.</p> <p>2.3. Hát về chú bộ đội</p> <p>- GV tổ chức cho HS tập hát và trình diễn một số bài hát về chú bộ đội.</p> <p>- Gợi ý một số bài hát:</p> <p>+ Chú bộ đội - Sáng tác: Hoàng Hà;</p> <p>+ Tập làm chú bộ đội - Sáng tác: Quỳnh Như;</p> <p>+ Màu áo chú bộ đội - Sáng tác: Nguyễn Văn Tý.</p> <p>Hoạt động nối tiếp (2 phút)</p>	<p>+ Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi</p> <p>+ Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi</p> <p>- Lắng nghe để thực hiện.</p> <p>- Lắng nghe để thực hiện.</p> <p>- Lắng nghe để thực hiện.</p> <p>- HS tập và trình diễn các bài hát, múa về chú bộ đội.</p>
---	---

IV. Điều chỉnh sau tiết dạy (nếu có):

.....
.....
Thủy Thanh, ngày 8 tháng 12 năm 2024

**TM. TỔ CHUYÊN MÔN
TỔ TRƯỞNG**

NGƯỜI BIÊN SOẠN KHBD


Huỳnh Chi Bích Mai


Nguyễn Chi Tín

